

BẢNG TỔNG KẾT HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016

Số thứ tự	HỌC PHÂN				Anh văn chuyên ngành		Kỹ thuật điện		Công nghệ khí nén		Máy cắt kim loại		Nguyên lý chi tiết máy		Công nghệ CNC		Công nghệ chế tạo máy 2		Công nghệ CAD/CAM		Tổ chức sản xuất				TT Phay, Bào, Mài cơ bản								TBC HỌC TẬP		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI HT		KHEN THƯỞNG	GHI CHÚ												
	SO DVHT				2		3		2		5		5		3		4		2		2				4								32			Kỳ thi lần 1	Kỳ thi lần 2														
	MSHS	Họ tên học sinh	HỆ CHUẨN	NGÀY NGHỈ	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2	Trung bình	Thi lần 1	Tổng kết lần 1	Thi lần 2	Tổng kết lần 2												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)																							
1	14000136	Lê Hoàng Bảo	0	7	4	5,8	5,1		5,5	5,5	5,5		4	4,5	4,3		6,8	7	6,9		6,9	7,5	7,3		6,7	9	8,1		6,7	5,3	5,9		4,7	8	6,7		6	5	5,4		5,6	7	6,4		6,4		TB	Khá			
2	14000137	Lê Hồ Bảo Duy	0	3	6,7	6	6,3		5,7	8	7,1		5	5,8	5,5		6	8,5	7,5		6,4	7,5	7,1		9,3	9	9,1		5,8	5,3	5,5		8	8,5	8,3		7	6,8	6,9		6,4	6,3	6,3		7,0			Khá			
3	14000138	Nguyễn Hoàng Duy	0	9	4,3	6	5,3		5,5	6,3	6		3,4	7,5	5,9		7	9	8,2		6,3	7,5	7		9,3	7	7,9		5,7	6	5,9		5,3	8	6,9		8	6,6	7,2		6,2	7	6,7		6,8			TB	Khá		
4	14000142	Vũ Thành Hoàng	0	7	6,5	5,8	6,1		4,5	3,5	3,9		3,6	3,5	3,5		5	5,5	5,3		6	4,5	5,1		9,3	9	9,1		5,9	5,3	5,5		8	8	8		6	6,6	6,4		6,6	6	6,2		5,8			TB			
5	14000143	Hà Triệu Khang	0	8	3,3	4,8	4,2		4	3,8	3,9		4	5	4,6		5	6,5	5,9		6,1	5	5,4		10	9	9,4		6	4,3	5		8	8,5	8,3		8	6,7	7,2		5	6	5,6		5,9			TB			
6	14000144	Huỳnh Thanh Lịch	0	1	4,3	5,8	5,2		5,7	3,3	4,3		4	4,3	4,2		7,2	6,5	6,8		7	5,5	6,1		9,3	9	9,1		7	6,5	6,7		5,3	8,5	7,2		6	4,3	5		5,1	5,5	5,3		6,1			TB	Khá		
7	14000147	Huỳnh Tấn Mạnh	0	4	3,7	5,8	5		5	3,5	4,1		4	4	4		6,4	4	5		6,1	5	5,4		5,7	3,5	4,4		5,8	5	5,3		3,3	5	4,3		6	4	4,8		5,7	5,5	5,6		4,9			Yếu			
8	14000148	Huỳnh Văn Nghĩa	0	8	6,2	4,8	5,4		7	5	5,8		5,2	3,8	4,4		6,2	4,5	5,2		6,4	7	6,8		9,3	9	9,1		5,7	4,8	5,2		5,3	6	5,7		7,3	5,7	6,3		5,1	5,5	5,3		5,9			TB			
9	14000150	Lê Minh Nhật	0	11	5,3	5	5,1		6,2	3,5	4,6		4	4,8	4,5		5	4,5	4,7		7,3	3,5	5		10	9	9,4		5,7	3,5	4,4		5,3	7,5	6,6		6,3	6,9	6,7		4,9	6,5	5,9		5,5			TB			
10	14000152	Phạm Tấn Phát	0	14	4,3	5	4,7		6,7	6	6,3		4,2	5,8	5,2		5,7	5,5	5,6		6,3	8	7,3		8,3	7	7,5		5,9	5,5	5,7		6	4,5	5,1		6,7	5,4	5,9		5,4	5	5,2		6,0			TB	Khá		
11	14000155	Lê Thanh Quân	0	4	6,7	6	6,3		5,3	6,8	6,2		4,2	4	4,1		5,3	7	6,3		5,7	7	6,5		7	7	7		5,9	7	6,6		5,3	7,5	6,6		7	5,5	6,1		6,2	7	6,7		6,3			TB	Khá		
12	14000156	Nguyễn Minh Quân	0	12	4,8	6	5,5		6,8	8,8	8		4,6	6,3	5,6		7,2	8,5	8		7,3	8,5	8		9,3	8,5	8,8		5,7	6,3	6,1		5,7	9	7,7		8	6,9	7,3		6,6	7	6,8		7,3			Khá			
13	14000157	Đoàn Văn Quát	0	1	3,7	6,3	5,3		5,3	4,8	5		4	5	4,6		6,2	8,5	7,6		6,1	8	7,2		5	3,5	4,1		6,6	5	5,6		5,3	7,5	6,6		6	4,9	5,3		5,2	6,5	6		6,0			TB	Khá		
14	14000158	Vũ Thành Quốc	0	3	5,7	6,8	6,4		6,7	6,5	6,6		5,2	6	5,7		5,5	7	6,4		6,7	7	6,9		5,7	4	4,7		5,7	4	4,7		5,3	7	6,3		6,3	4,8	5,4		4,7	5,5	5,2		6,1			TB	Khá		
15	14000159	Phạm Hữu Sang	0	6	4	6,3	5,4		5,2	5,5	5,4		4	3,5	3,7		5,7	7	6,5		6	7	6,6		9,3	7	7,9		6,8	5,3	5,9		5,3	5	5,1		6,3	4	4,9		5,1	6	5,6		5,9			TB			
16	14000160	Đặng Thành Sĩ	0	6	4,3	5,5	5		6,2	2,8	4,2		3,8	4	3,9		5,2	7	6,3		6	6,5	6,3		6	7	6,6		5,8	4,3	4,9		5,3	7	6,3		6,3	5,3	5,7		4,7	6	5,5		5,6			TB			
17	14000162	Hồ Minh Sỹ	0	16	4,7	5	4,9		4,7	5,3	5,1		3,6	3	3,2		5	6,5	5,9		5,7	7	6,5		5,7	3,3	4,3		4,7	7,5	6,4		4,7	7,5	6,4		6,3	3,7	4,7		5,3	6	5,7		5,3			TB			
18	14000164	Nguyễn Minh Thắng	0	15	6,2	5	5,5		5,8	5	5,3		3,4	1	2		5,4	5	5,2		5,7	4,5	5		10	9	9,4		5,8	4	4,7		5,7	8	7,1		6,3	5,3	5,7		5,6	5,5	5,5		5,5			TB			
19	14000167	Nguyễn Trường Thịnh	0	2	4,5	5	4,8		5,7	4,5	5		4	4,5	4,3		5,6	5,5	5,5		5,9	4,5	5,1		5,7	7	6,5		7	3,3	4,8		3	7,5	5,7		7	7,3	7,2		6,4	6	6,2		5,5			TB			
20	14000168	Tôn Phúc Thịnh	0	4	3,2	5,5	4,6		4,5	6	5,4		4,8	5	4,9		6	4,5	5,1		6,7	4,5	5,4		6	7	6,6		5,7	4,5	5		5,3	8	6,9		6,3	5,8	6		4,9	6	5,6		5,5			TB			
21	14000169	Bùi Quốc Thông	0	14	6,5	5,8	6,1		5	3,8	4,3		3,4	2,5	2,9		5,1	4	4,4		4,3	4,5	4,4		5	6,5	5,9		5,7	3,3	4,3		6	6,5	6,3		6,3	4,1	5		4,9	6	5,6		4,8			Yếu			
22	14000171	Trịnh Ngọc Tinh	0	11	5,2	5,5	5,4		4,5	6,5	5,7		4	2,5	3,1		5,6	4	4,6		5	5	5		10	7,5	8,5		5,8	2,3	3,7		6	7	6,6		6	5,6	5,8		6,4	6	6,2		5,4			TB			
23	14000174	Đoàn Ngọc Trường	0	5	3	5,8	4,7		5	5	5		4	4,8	4,5		6,5	4	5		4,3	6	5,3		6,3	6	6,1		6	3,5	4,5		5,3	6,5	6		6	5	5,4		5,9	6,5	6,3		5,3			TB			
24	14000175	Lê Đình Tú	1	20	5,5	0	2,2		4,3	5,5	5		3	5,5	4,5		5,1	4,5	4,7		5,9	5,5	5,7		8,7	4	5,9		5,8	4	4,7		2	0	0,8		5	4,9	4,9		0	0	0		4,0			Yếu			
25	14000177	Lê Ngọc Vũ	0	14	3,5	6,5	5,3		4	5,3	4,8		3,4	4	3,8		4,1	7	5,8		5,7	5	5,3		3,7	6	5,1		5,6	4,3	4,8		3,3	8	6,1		3,3	0	1,3		3,8	5,8	5		4,9			Yếu			
26	13B2040047	Nguyễn Hữu Phúc	0	32	0	0	0		0	0	0		0	0	0		0	0	0		0	0	0		0	0	0		3,1	0	1,2		3,3	0	1,3		3	0	1,2		0	0	0		0,3			Kém			
27	14000178	Nguyễn Công Chánh	0	12	4,7	3,8	4,2		5	5	5		4,6	4	4,2		5,7	4,5	5		6,1	5,5	5,7		8,7	9	8,9		5,8	3,3	4,3		4,7	0	1,9		6	4,3	5		4,6	5,3	5		5,1			TB			
28	14000179	Hồ Khải Diệu	0	29	3,3	2,5	2,8		0,5	0	0,2		3,8	2	2,7		3,7	0	1,5		3,1	0	1,2		0	0	0		3,6	0	1,4		4,7	0	1,9		6	3,9	4,7		3,6	0	1,4		1,5			Kém			
29	14000180	Vũ Duy Dương	0	7	6,3	4,5	5,2		5,8	5,3	5,5		4,2	5,5	5		5,3	7,5	6,6		6	5	5,4		5	6	5,6		5,8	3,8	4,6		5,3	5,5	5,4		5	6,7	6		5,3	7,5	6,6	</							